

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 13/05/2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Ngô Gia Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2020 về việc: Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

**- Bị đơn:** Chị Phạm Thị Thanh H – sinh năm 2000; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Huyền vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 06 năm 2019 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình là quê của anh Q. Sau khi kết hôn được một ngày thì do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã nhau nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở luôn từ sau ngày đăng ký kết hôn. Thời gian đó bố mẹ hai bên gia đình có phân tích hòa giải nhưng không có kết quả, anh cũng có tìm chị H về để vợ chồng sống chung cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị H không đồng ý. Từ đó đến nay vợ

chồng anh chị không liên lạc với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q có đơn xin ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là chị Phạm Thị Thanh H hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ chị là ông Phạm Văn L và bà Phan Thị N tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho chị H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị H thông qua mẹ đẻ chị H là bà Phan Thị Ng. Chị H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên ông L và bà N cung cấp cho Tòa án do điều kiện công việc của chị H rất bận không thể nghỉ giờ hành chính được nên chị H không thể có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia giải quyết vụ án được. Anh Q và chị H kết hôn nhưng ngay ngày hôm sau chị H bỏ về nhà ông bà để ở luôn hai bên gia đình cũng đã động viên để hai anh chị về sống chung với nhau nhưng không có kết quả và khả năng anh chị về đoàn tụ là rất khó. Do vậy Ông bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vắng mặt chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Q ly hôn chị Phạm Thị Thanh H.

- Án phí: Anh Nguyễn Văn Q nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với chị Phạm Thị Thanh H có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Phạm Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Thanh H kết hôn với nhau ngày 07 tháng 06 năm 2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Quang và chị Phạm Thị Thanh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn do vợ chồng mâu thuẫn vì tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ chị H ở luôn. Anh chị chưa có thời gian sống chung, từ đó đến nay anh chị không còn về sống chung và cũng không liên lạc với nhau. Anh Q đề nghị được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía chị H mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng chị H không có bản tự khai, có ý định bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó thể hiện chị H không thiện chí cũng như không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm và về đoàn tụ.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K xác định: anh Q và chị H có hôn nhân hợp pháp nhưng sau khi kết hôn xong thì chị H không ở nhà anh Q mà về nhà bố mẹ đẻ của chị H là ông L, bà N ở xã K để làm ăn sinh sống từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay anh Q làm các thủ tục ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy anh Q và chị H mới chỉ đăng ký kết hôn chưa có thời gian sống chung đã phát sinh mâu thuẫn và không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và tài sản chung: Anh Q và chị H không có con chung và tài sản chung. Nay ly hôn anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem, xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị Thanh H được ly hôn.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002289 ngày 24 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã T, huyện K;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Khanh**